

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH PT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 01-6-2020
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT TỈNH PT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Phạm Thị Hồng**

Cốc Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông **Đỗ Minh Thân**

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Tấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh PT

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm: 1991.

ĐKKHKT: Khu 1, xã V, huyện TT, tỉnh PT.

(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Hà Vĩnh D, sinh năm 1986;

ĐKKHKT: Khu 12, xã Y, huyện TT, tỉnh PT.

Nay là: Khu 12, xã V, huyện TT, tỉnh PT. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Hà Vĩnh D ngày 14/9/2009, tại UBND xã Y, huyện TT, tỉnh PT (Nay là xã V, huyện TT, tỉnh PT), việc kết hôn là tự nguyện. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó, kể từ năm 2013 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong suy nghĩ và lối sống. Đến năm 2018, Chị P đã chuyển khẩu về nhà bố mẹ đẻ của chị tại khu 1, xã V để ở, và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Vĩnh D.

Về con chung: Chị P xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Thu T, sinh ngày 05/6/2010, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu T, không yêu cầu anh Hà Vĩnh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị P xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Hà Vĩnh D đến làm việc và thông báo cho anh D đến tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên anh D đều vắng mặt không đến mặc dù Tòa án đã niêm yết công khai và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Trong biên bản lấy lời khai, ông Hà Ngọc Châu – bố đẻ của anh Hà Vĩnh D trình bày:

Năm 2009 gia đình ông tổ chức lễ kết hôn cho anh D và Chị P. Sau khi kết hôn vợ chồng anh D, Chị P ra ở riêng và làm ăn sinh sống tại xã Y (nay là xã V, huyện TT, tỉnh PT). Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa hợp, sau đó không biết vì lý do gì đó mà Chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của Chị P để ở. Quan hệ gia đình thông gia vẫn rất tốt. Anh D và Chị P có 01 con chung là cháu Hà Thu T, sinh ngày 05/6/2010, hiện đang ở cùng Chị P ở khu 1, xã V. Anh D và Chị P không có tài sản chung gì, không cùng chung nợ tiền của ai. Anh D đi làm ăn xa nhà, nhưng vẫn sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại khu 12, xã V. Anh D đã được gia đình thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn của anh và Chị P, anh D có nói thông qua ông là: “Đề Tòa án giải quyết theo luật, anh D không về được”. Quan điểm của gia đình ông, nếu Chị P kiên quyết ly hôn, thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xử cho Chị P ly hôn anh D, giao cháu Hà Thu T cho Chị P chăm sóc, giáo dục vì cháu T còn nhỏ còn anh D đang làm việc ở xa và cũng không cho ông biết địa chỉ cụ thể hiện nay anh D đang ở đâu, nên ông không cung cấp cho Tòa án được.

Qua xác minh tại Công an, Ủy ban nhân dân và Hội liên hiệp phụ nữ xã V, xác định: Anh Hà Vĩnh D và chị Nguyễn Thị P kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y (nay là xã V). Hiện nay Chị P đã về nhà bố mẹ đẻ tại khu 1, xã V để sinh sống và đã ly thân anh D. Anh D và Chị P có 01 con chung là cháu Hà Thu T, sinh năm 2010, hiện đang ở cùng Chị P. Quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa Chị P, anh D theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em.

** Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:*

-Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Chị P, xử cho Chị P được ly hôn anh D; Về con chung: Giao cháu Hà Thu T cho Chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu T thành niên; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này; Về án phí: Chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục Tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh D về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập, thông báo cho anh D đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên anh D đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa

phương, kết quả thể hiện anh D vẫn sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 12, xã V, huyện TT, tỉnh PT. Căn cứ vào quy định tại Khoản 1, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Căn cứ Điều b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị P kết hôn với anh Hà Vĩnh D vào ngày 14/9/2009, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Y (nay là xã V), huyện TT, tỉnh PT. Đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị P, anh D đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn thực tế chung sống, Chị P đã về sinh sống với bố mẹ đẻ tại khu 1, xã V từ năm 2018 đến nay. Nay Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh D.

Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm hai bên đã hết, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của Chị P, xử cho Chị P được ly hôn anh D là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị P, anh D có một con chung là cháu Hà Thu T, sinh ngày 05/6/2010, hiện đang ở cùng Chị P, Chị P đề nghị, khi ly hôn chị xin được nuôi cháu T. Xét thấy đề nghị của Chị P là chính đáng, do vậy Hội đồng xét xử cần giao cho Chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu T đến khi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị P.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị P không yêu cầu. Do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên VKSND huyện TT, tỉnh PT phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điều b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Hà Vĩnh D.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Thu T, sinh ngày 05/6/2010 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi chấm dứt Hôn nhân cho đến khi cháu T thành niên.

Anh Hà Vĩnh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001639 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh PT.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng